TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 178/2024/HNGĐ-ST
Ngày 19 tháng 6 năm 2024
"V/v Tranh chấp về hôn nhân gia đình ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa*: Ông Nguyễn Trung Kiên.

- *Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Nguyễn Thanh Liêm và bà Phạm Xuân Đào.

***Thư ký phiên tòa*:** Ông Quách Thuận An, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa*:** Ông Lê Trần Long – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 776/2023/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2023 về việc "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, tranh chấp nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 257/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 251/2024/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lâm Thị Yến P, sinh năm 1980; địa chỉ: số A, Tổ G, ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Lâm Thị Yến P:

+ Ông Lê Phước H, Luật sư Công ty L, thuộc Đoàn luật sư tỉnh A; địa chỉ trụ sở: 7 ấp T, xã T, huyện C, tỉnh An Giang; địa chỉ văn phòng giao dịch: số A, đường T nối dài, khóm L, thị trấn C, huyện C, tỉnh An Giang; có mặt;

+ Ông Nguyễn Thành T, Luật sư Công ty L, thuộc Đoàn luật sư tỉnh A; địa chỉ trụ sở: 7 ấp T, xã T, huyện C, tỉnh An Giang; địa chỉ văn phòng giao dịch: số A, đường T nối dài, khóm L, thị trấn C, huyện C, tỉnh An Giang; vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Phan Văn Q, sinh năm 1980; địa chỉ: số E, Tổ B, ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lâm Thị Yến P trình bày, bà và ông Phan Văn Q chung sống như vợ chồng, không thực hiện việc đăng ký kết hôn, thời gian chung sống bắt đầu từ tháng 12/2008, chung sống đến năm 2020 thì cả hai không còn chung sống cho đến nay, nguyên nhân của việc không còn chung sống là do ông Q không chăm lo cho vợ, con và gia đình, không cùng lo kinh tế phụ giúp vợ để lo cho cuộc sống chung, nên từ đó cả hai căng thẳng, dẫn đến không có mục đích chung, nên đã sống ly thân và không liên lạc từ năm 2020 đến nay.

Trong thời gian chung sống, bà và ông Q chung sống tại ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang, sau khi cưới bà với ông Q chung sống bên nhà bà P, hiện nay ông Q đang sống tại gia đình mẹ ruột của ông Q tại ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang.

Tại đơn khởi kiện bà có trình bày việc ông Q lấy 30.000.000 đồng, nhưng đây là ý kiến của bà thể hiện việc ông Q không chăm lo cho gia đình, chứ không yêu cầu ông Q phải thanh toán hoặc trả lại cho bà số tiền này.

Quá trình chung sống như vợ chồng, bà với ông Q có 02 con chung, cháu thứ nhất tên Phan Lâm Gia V, sinh ngày 04/11/2009, cháu thứ hai tên Lâm Ngọc Như Ý, sinh ngày 07/02/2013, cháu Ý do bà và ông Q không có đăng ký kết hôn, nên khi thực hiện việc đăng ký khai sinh cho cháu Ý không ghi nhận được tên người cha trong giấy khai sinh của cháu Ý.

Khi sinh cháu Ý thì hai vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn, nhưng Q và bà vẫn chung sống như vợ chồng, chỉ bắt đầu không chung sống với nhau từ năm 2020, đến nay bà P xác định cháu Ý là con chung giữa bà với ông Q trong thời kỳ chung sống như vợ chồng, và bà vẫn giữ yêu cầu về con chung đó là: yêu cầu được nuôi 02 con chung sau ly hôn tên Phan Lâm Gia V, sinh ngày 04/11/2009, cháu Lâm Ngọc Như Ý, sinh ngày 07/02/2013, không yêu cầu ông Q phải cấp dưỡng nuôi con.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Phan Văn Q vắng mặt, nên không ghi nhận được ý kiến.

Tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của bà P là: đơn khởi kiện, bản tự khai, giấy khai sinh của các con và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa:

- Bà Lâm Thị Yến P trình bày ý kiến, yêu cầu như đã cung cấp trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và xác định không có tài liệu, chứng cứ khác giao nộp cho Tòa án chứng minh cho ý kiến, yêu cầu của mình. Tuy nhiên, tại phiên tòa bà P đề nghị rút yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu ông Q phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Ông Phan Văn Q vắng mặt, nên không ghi nhận được ý kiến, do ông Q vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 mà không có lý do.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án

trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Đối với nguyên đơn: Bà Lâm Thị Yến P đã thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, 71, 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Bùi Văn Q1 vắng mặt tại phiên tòa, nên Hội đồng xét xử đưa vụ án ra xét xử theo Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Không công nhận bà Lâm Thị Yến P và ông Phan Văn Q là vợ chồng;

- Bà Lâm Thị Yến P được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Phan Lâm Gia V, sinh ngày 04/11/2009, Lâm Ngọc Như Ý, sinh ngày 07/02/2013; ông Phan Văn Q không phải cấp dưỡng nuôi con;
- Đình chỉ yêu cầu cấp dưỡng nuôi con do bà P rút yêu cầu;

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại các Điều 14, 53, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Bà Lâm Thị Yến P khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Phan Văn Q đều cư trú trên địa bàn huyện C. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của ông Q, ông T là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự tại phiên tòa vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: bà Lâm Thị Yến P trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm xác định hôn nhân là do tự nguyện, khi kết hôn không đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 8, 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, nên căn cứ khoản 1 Điều 14, Điều 15 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 để giải quyết yêu cầu về hôn nhân và con chung theo yêu cầu của bà P.

Xét về quan hệ hôn nhân, mâu thuẫn trong hôn nhân, Hội đồng xét xử xét thấy: Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, cũng như tại phiên tòa, bà P khẳng định không còn tình cảm với ông Q, từ năm 2020 giữa bà P và ông Q đã tự sống ly thân, giai đoạn chuẩn bị xét xử, ông Q mặc dù đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định, nhưng không có ý kiến về yêu cầu ly hôn của bà P, tại phiên tòa bà P khẳng định cả hai không có đăng ký kết hôn, nay không còn tình cảm. Do vậy, việc bà P yêu cầu ly hôn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 53 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà P, không công nhận vợ chồng giữa bà P và ông Q.

[2.2] Về quan hệ con chung: bà Lâm Thị Yến P và ông Phan Văn Q, có 02

con chung tê Phan Lâm Gia V, sinh ngày 04/11/2009 và Lâm Ngọc Như Ý, sinh ngày 07/02/2013 (cháu Ý tại giấy đăng ký khai sinh không ghi nhận tên cha là ông Phan Văn Q), nhưng bà P xác định đây là con chung, ông Q trong giai đoạn chuẩn bị xét xử vắng mặt, không có ý kiến về con chung, bà nội, bà ngoại của các cháu xác định bà P, ông Q có 02 con chung là cháu V, cháu Ý theo quy định tại khoản 1 Điều 88 Luật hôn nhân và Gia đình, bà P đề nghị tiếp tục nuôi con chung sau khi ly hôn, ông Q không có ý kiến về yêu cầu nuôi con chung của bà P. Trong quá trình giải quyết vụ án các cháu V, Ý đã được Tòa án ghi nhận ý kiến, đều có mong muốn được sống chung với mẹ, nên để ổn định về tâm, sinh lý của các cháu thì cần tiếp tục giao con chung cho bà P chăm sóc, nuôi dưỡng, trường hợp ông Q cho rằng cháu Ý không phải con chung thì phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 88 Luật Hôn nhân và gia đình. Do vậy, Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu V, cháu Ý cho bà P tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, ông Q không phải cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa, bà P rút yêu cầu về việc yêu cầu ông Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, việc rút yêu cầu của bà P là tự nguyện, không bị ép buộc, nên Hội đồng xét xử thống nhất đình chỉ xét xử với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung: bà P không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét, giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Lâm Thị Yến P phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Ông Phan Văn Q không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 5, khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 53, các Điều 81, 82, 84, 86 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 144, 147, 217, 227, 244, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Lâm Thị Yến P đối với ông Phan Văn Q;

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Lâm Thị Yến P và anh Phan Văn Q.

- Về quan hệ con chung: bà Lâm Thị Yến P và ông Phan Văn Q có có 02

con chung tên Phan Lâm Gia V, sinh ngày 04/11/2009 và Lâm Ngọc Như Ý, sinh ngày 07/02/2013, tiếp tục giao con chung tên Phan Lâm Gia V, sinh ngày 04/11/2009 và Lâm Ngọc Như Ý, sinh ngày 07/02/2013 cho bà P chăm sóc, nuôi dưỡng, ông Q không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà P cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Q trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

- Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Thị Yến P về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về quan hệ tài sản chung: không đề cập xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: không đề cập xem xét, giải quyết.

- Về án phí sơ thẩm: bà Lâm Thị Yến P phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm *300.000 (ba trăm nghìn) đồng* nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí *300.000 (ba trăm nghìn) đồng* đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014643 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp ngày 22 tháng 11 năm 2024; bà Lâm Thị Yến P đã nộp đủ án phí. Ông Phan Văn Q không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 *(mười lăm)* ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo 15 *(mười lăm)* ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: hồ sơ; VP;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Trung Kiên

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Liêm Phạm Xuân Đào **Nguyễn Trung Kiên**